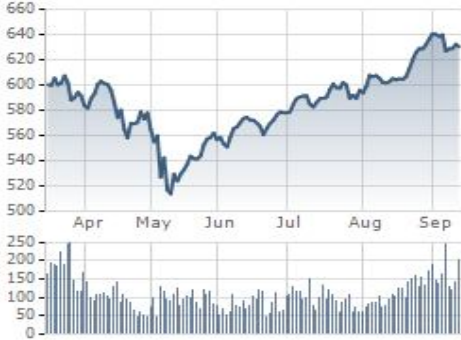


HOSE 16/09/2014

VNINDEX	627.66	-2.68	-0.43%
KLGD	180,897,170	CP	
GTGD	3,230.80	Tỷ	
GTR NDTNN	-	267.70	Tỷ

CP Tăng giá	93	CP
CP Giảm giá	118	CP
CP Đứng giá	93	CP



Tâm điểm

- ▶ **Lực cầu trở lại vào cuối phiên giúp 2 sàn hồi phục khá tốt**
- ▶ **Thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức tốt**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 4,600 tỷ đồng
- ▶ **Tín dụng đã tăng trưởng 5.82%**
Dòng vốn tín dụng đã có sự dịch chuyển tập trung vào một số lĩnh vực ưu tiên Infonet
- ▶ **Tháng 8 xuất siêu 1.1 tỷ USD**
Kết quả này đưa tổng mức xuất siêu 8 tháng đầu năm lên gần 3.1 tỷ USD
Người Đồng Hành
- ▶ **HSBC: Thương mại toàn cầu sẽ tăng tốc**
Trao đổi thương mại toàn cầu sẽ tăng khoảng 8% trong năm 2016
DVO/ HSBC
- ▶ **FLC: Kỳ vọng doanh thu hàng trăm triệu USD trong quý 4/2014**
Hơn 2,500 căn hộ chung cư, liền kề phố, biệt thự sân golf... được FLC tung ra thị trường
Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **MWG: Dự kiến tăng vốn điều lệ lên mức nghìn tỷ**
Sau những đợt phát hành lần này, vốn điều lệ của MWG tăng lên 1,120 tỷ đồng
Cafef

HNX 16/9/2014

HNXINDEX	90.15	0.74	0.83%
KLGD	90,768,249	CP	
GTGD	1,297.40	Tỷ	
GTR NDTNN	-	34.47	Tỷ

CP Tăng giá	96	CP
CP Giảm giá	111	CP
CP Đứng giá	172	CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	666.66	-1.76	-0.26%
HNX30	187.15	2.93	1.59%

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,124,002	15.7	3.4	19.8%	10.8%
HNX	145,353	14.8	1.8	9.3%	4.5%
Toàn bộ thị trường	1,269,355	17.4	3.3	18.9%	10.1%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,475	6.8	0.9	13.6%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,398	9.8	1.6	16.4%	11.1%
Thép và sản phẩm thép	39,206	17.1	2.2	20.4%	9.5%
Khai khoáng	12,245	63.8	5.6	0.4%	0.1%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,083	16.2	1.5	11.3%	7.5%
Xây dựng	32,652	49.0	1.3	-1.3%	2.1%
Máy công nghiệp	8,818	9.3	1.4	15.0%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,671	8.4	1.5	18.9%	13.7%
Lốp xe	8,232	10.2	3.0	27.6%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	21,497	12.5	2.0	17.5%	6.3%
Thực phẩm	200,304	24.5	4.8	20.4%	16.0%
Dược phẩm	15,419	10.7	2.9	24.9%	16.4%
Phần mềm	19,556	12.1	2.5	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	25,549	-	6.0	-16.0%	0.1%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	236,403	19.3	6.3	33.1%	22.7%
Bảo hiểm nhân thọ	30,689	25.1	2.6	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	27,874	14.1	1.6	9.5%	7.0%
Ngân hàng	245,320	11.3	1.3	10.6%	0.9%
Bất động sản	165,738	17.1	2.8	20.5%	5.0%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	56,111	12.6	2.7	22.6%	9.5%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

Tín dụng đã tăng trưởng 5.82%

Theo Vụ tín dụng các ngành kinh tế (NHNN), tính đến cuối tháng 8/2014, tăng trưởng tín dụng đối với nền kinh tế đạt 5.82% so với cuối năm 2013, dòng vốn tín dụng đã có sự dịch chuyển tập trung vào một số lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực bất động sản... Cụ thể, dư nợ phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn tăng khoảng 6.1%; dư nợ cho vay xuất khẩu tăng khoảng 4.37%; dư nợ cho vay doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng khoảng 12.73%; dư nợ cho vay công nghiệp hỗ trợ tăng 6.12%; doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng 2.57% và dư nợ cho vay bất động sản tăng 9.85%.

Tháng 8 xuất siêu 1.1 tỷ USD

Theo thông tin từ Tổng Cục Hải Quan Việt Nam, trong tháng 8, kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt gần 13.3 tỷ USD, tăng 2.8%; nhập khẩu đạt 12.2 tỷ USD, giảm 5.9% so với tháng trước. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 8/2014, kim ngạch xuất khẩu đạt 97.2 tỷ USD, tăng 14.4%; nhập khẩu đạt 94.16 tỷ USD, tăng 10.7% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, trong tháng 8, Việt Nam đã xuất siêu 1.1 tỷ USD; thặng dư thương mại đến hết tháng 8 đạt hơn 3 tỷ USD. Đây là mức thặng dư thương mại kỷ lục của Việt Nam. Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn đóng vai trò chủ chốt trong việc giúp Việt Nam có được kết quả này.

HSBC: Thương mại toàn cầu sẽ tăng tốc

Theo nghiên cứu mới công bố hôm nay 16/9 của ngân hàng HSBC, trao đổi thương mại quốc tế sẽ tăng trưởng với tốc độ 8% trong 2 năm tới và giữ xu hướng tăng trưởng cao tương đương trong trung hạn. Báo cáo nghiên cứu của HSBC có đoạn nhận định: "Sau 2 năm tăng trưởng chậm chạp do cầu yếu tại các nền kinh tế công nghiệp và phát triển, giờ đây thương mại toàn cầu sẽ lấy lại đà tăng trưởng". Nghiên cứu trên 25 quốc gia, báo cáo của HSBC cho biết, tổng giá trị hàng hóa giao dịch trên thế giới sẽ tăng "khoảng 8% trong năm 2016, so với 2.5% trong năm 2013 và tỷ lệ này sẽ được duy trì trong trung hạn".

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

FLC: Kỳ vọng doanh thu hàng trăm triệu USD trong quý 4/2014

Ông Doãn Văn Phương, Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn FLC (HOSE: FLC) cho biết, trong quý 4/2014, FLC sẽ thực hiện chào bán hàng loạt sản phẩm bất động sản của các dự án đã và đang triển khai. Trong đó, hai dự án chủ lực chào bán đợt này sẽ là FLC Garden City (Đại Mỗ - Nam Từ Liêm) với 1,100 căn hộ, 20 nền đất biệt thự và 120 nhà liền kề; và FLC Complex 36 Phạm Hùng (Nam Từ Liêm - Hà Nội) với 483 căn hộ... Ngoài 2 dự án nêu trên, ông Phương còn cho hay, FLC cũng sẽ mở bán thêm sản phẩm của các dự án khác tại Hà Nội và Thanh Hóa. Như vậy, với hơn 2,500 căn hộ chung cư, liền kề phố, biệt thự sân golf... được tung ra thị trường, FLC kỳ vọng đạt doanh thu hàng trăm triệu USD trong quý 4 tới.

MWG: Dự kiến tăng vốn điều lệ lên mức nghìn tỷ

CTCP Đầu tư Thế giới di động (HOSE: MWG) vừa công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 12/9/2014. Theo đó, cổ đông của MWG đã thông qua việc phát hành thêm 43,903,921 cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2014, tăng so với phương án phát hành thêm đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua trước đó là 34.9 triệu cổ phiếu. Về phương án phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ công nhân viên công ty, cổ đông cũng đã thông qua tỷ lệ phát hành 5% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành, tương đương 5,331,190 cổ phiếu (tính theo số lượng cổ phiếu sau khi phát hành cổ phiếu thưởng và tạm ứng cổ tức ở trên). Thời điểm phát hành cổ phiếu ESOP cũng trong 6 tháng cuối năm 2014. Sau tất cả các đợt phát hành nói trên, vốn điều lệ của MWG dự kiến tăng lên xấp xỉ 1,120 tỷ đồng.

HAD: Chi 56 tỷ đồng để đầu tư hợp tác kinh doanh

HĐQT CTCP Hạng Sơn Đông Á (HNX: HDA) vừa thông qua chiến lược mở rộng hoạt động bằng việc tham gia đầu tư, hợp tác với các doanh nghiệp. Cụ thể, HDA thống nhất hợp tác kinh doanh với CTCP Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội và CTCP Kiến trúc Đô Thị Nam Thăng Long với số vốn 10 tỷ đồng trên mỗi công ty. Bên cạnh đó, HDA sẽ đầu tư góp vốn hoặc mua lại cổ phần vốn góp tại CTCP Create Capital Việt Nam và CTCP Goldstar Việt Nam với số tiền lần lượt 27 tỷ đồng và 9 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ sở hữu cùng là 18%.

HOSE 16/09/2014 VNINDEX 627.66 -2.68 -0.43% 180,897,170 CP 3,230.80 bil VND

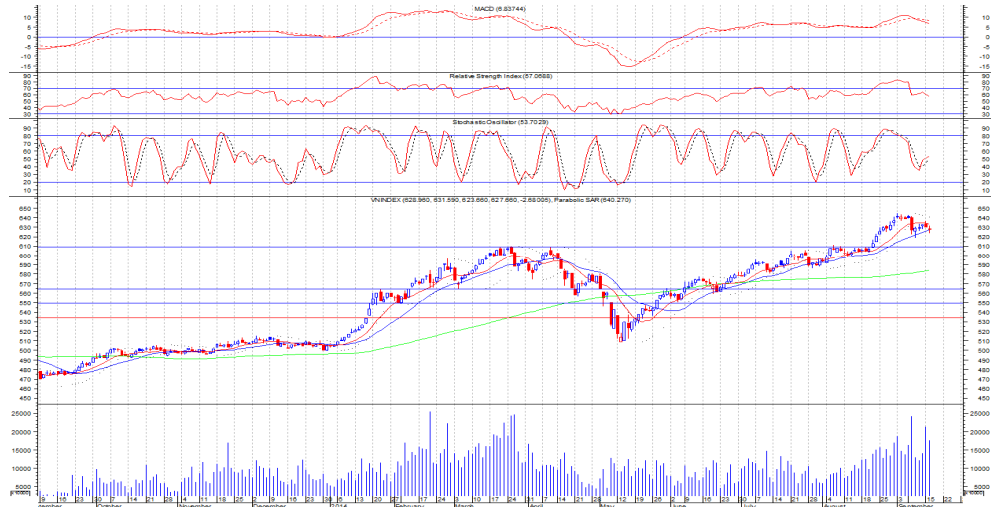
Lực cầu trở lại vào cuối phiên giúp 2 sàn hồi phục khá tốt

VN-Index giảm 2,68 điểm (-0.43%), đóng cửa tại mức 627,66 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến ngắn, cây nến gần giống nến Doji thể hiện sự thận trọng và lưỡng lự của chỉ số này.

- MACD sau khi cho tín hiệu bán ra tiếp tục sụt giảm xuống.

- Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại và giá tăng nhẹ.

- MA10 đã bị phá vỡ, ngưỡng MA20 tỏ rõ là mốc hỗ trợ khá tốt cho VN-Index trong những nhịp điều chỉnh. Cả 2 đường này vẫn đang giữ đà tăng, cho thấy xu hướng tăng điểm của VN-Index vẫn đang duy trì.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.4 (-3.3%)	36,013,930
ITA	0 (0.0%)	7,862,400
HQC	0.2 (2.5%)	6,761,000
KBC	0.2 (1.4%)	4,680,870
PVT	1.2 (6.5%)	4,613,210

HOSE Top 5 theo % tăng

PXS	2.8 (7.0%)	2,515,460
HAI	2.4 (7.0%)	203,380
FMC	2.3 (7.0%)	448,730
CSM	3.1 (7.0%)	1,240,280
DQC	3.2 (7.0%)	21,470

HOSE Top 5 theo % giảm

SKG	-4.9 (-10.2%)	20,230
KAC	-0.9 (-6.9%)	300
LGC	-1.7 (-6.7%)	521,430
HSI	-0.2 (-6.7%)	14,510
KSH	-1.1 (-6.6%)	122,650

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

FLC	13,6 tỷ	1,147,530
MWG	9,6 tỷ	63,910
CSM	7,9 tỷ	164,790
IJC	6,7 tỷ	462,820
HT1	5,4 tỷ	332,890

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-93,8 tỷ	1,742,480
HPG	-32,6 tỷ	566,920
GMD	-29,7 tỷ	868,090
PVD	-25,8 tỷ	240,920
GAS	-25,3 tỷ	210,660

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-5.774.250	- 267.70

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh ở cả phiên, dù dòng tiền phân hóa nhưng nhiều mã vẫn chịu lực bán mạnh. Tuy nhiên, lực cầu trở lại khá tốt vào cuối phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 176 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng đây vẫn là mức cao. Điều này cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với TT.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 267 tỷ. Lượng bán tập trung nhiều ở VIC, HPG, GMD. Trong khi khối này mua ròng rất mạnh ở mã FLC.
- ▶ VN-Index nhiều khả năng sẽ giao dịch cân bằng ở vùng này. Chỉ số này đang chịu áp lực điều chỉnh khi về vùng đỉnh cũ, nhưng áp lực không quá mạnh.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15% trong những phiên vừa qua. Việc mua đuổi vẫn chưa nên diễn ra.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	120.0	227,400.00	19.8	6.5	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	108.0	108,012.81	17.6	5.8	34.1%	27.1%
VIC	1,383.5	54.5	75,400.48	16.0	4.3	27.6%	6.2%
VCB	2,665.0	27.4	73,021.56	16.1	1.7	10.6%	1.0%
MSN	735.8	83.0	61,072.08	-1,511.0	4.3	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.9	39,075.72	9.8	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	107.0	32,424.95	13.7	2.9	22.7%	10.7%
BVH	680.5	42.7	29,056.13	25.1	2.6	10.2%	2.1%
HPG	481.9	57.5	27,709.72	10.0	2.6	28.3%	12.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

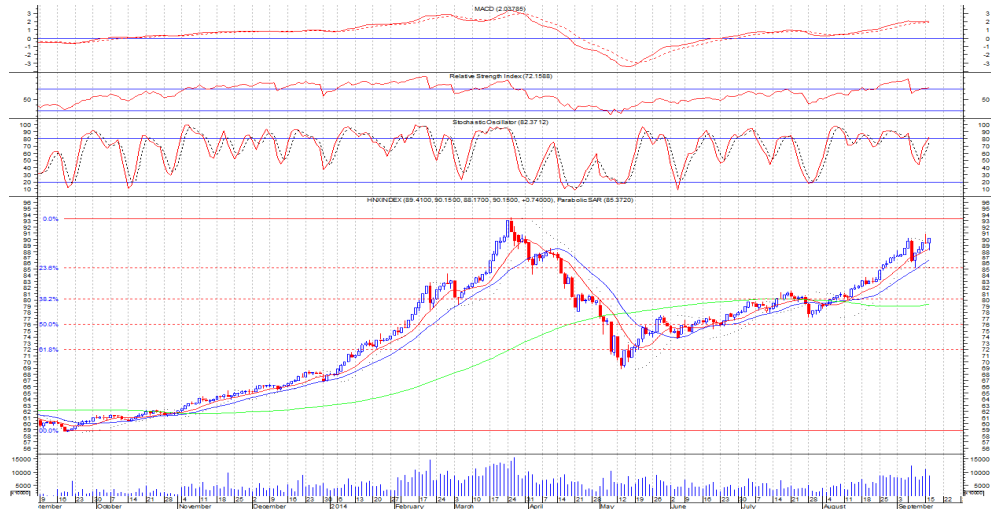
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	19.6	5,014.81	19.5	1.6	NA	TH.DOI
FPT	343.9	56.0	19,258.08	12.1	2.5	NA	TH.DOI
CII	115.5	20.5	2,368.30	7.9	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	68.5	3,115.28	8.5	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.3	686.48	4.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	24.2	668.16	2.7	1.1	NA	TH.DOI

HNX 16/09/2014 HNX-Index 90.15 0.74 0.83% 90,768,249 CP 1,297.40 bil. VND

Lực cầu trở lại vào cuối phiên giúp 2 sàn hồi phục khá tốt

Chỉ số HNX-Index tăng 0.74 điểm (+0.83%), đóng cửa tại mốc 90.15 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến vừa phải, chỉ số này đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại và tiếp tục gia tăng.
- MACD đi ngang nhưng vẫn chưa cho tín hiệu bán.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 72.
- MA10, MA20 vẫn đang giữ xu hướng tăng, điều này cho thấy đà tăng của HNX-Index vẫn đang được giữ vững.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.1 (1.6%)	8,791,870
FIT	1.5 (10.0%)	5,685,730
SHS	1.1 (9.6%)	5,625,570
SHB	0.1 (1.1%)	5,167,980
KLF	0 (0.0%)	5,074,010

HNX Top 5 theo % tăng

CVT	2.5 (10.0%)	766,510
FIT	1.5 (10.0%)	5,685,730
TAG	2.2 (9.9%)	13,400
BED	1.3 (9.8%)	2,200
PVC	4 (9.8%)	2,997,770

HNX Top 5 theo % giảm

CT6	-0.9 (-10.0%)	2,110
HDA	-1.3 (-9.9%)	100
VC1	-2.1 (-9.9%)	3,700
VTS	-1.3 (-9.8%)	100
BBS	-1.6 (-9.8%)	10,800

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PGS	4,1 tỷ	99,900
CSC	0,5 tỷ	54,820
HMH	0,5 tỷ	19,800
SDT	0,4 tỷ	25,000
PVB	0,3 tỷ	4,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-15,6 tỷ	378,900
PVS	-12,6 tỷ	278,650
VND	-8,3 tỷ	509,700
LAS	-1,8 tỷ	53,100
VCG	-0,9 tỷ	65,500

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-1,133,870	- 34.47

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh ở cả phiên, dù dòng tiền phân hóa nhưng nhiều mã vẫn chịu lực bán mạnh. Tuy nhiên, lực cầu trở lại khá tốt vào cuối phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 88 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng đây vẫn là mức cao. Điều này cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với TT.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 34,47 tỷ. Khối này mua mạnh ở PGS. Trong khi bán nhiều ở PVC, PVS.
- ▶ HNX-Index nhiều khả năng sẽ giao dịch cân bằng ở vùng này. Chỉ số này đang chịu áp lực điều chỉnh khi về vùng đỉnh cũ, nhưng áp lực không quá mạnh.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15% trong những phiên vừa qua. Việc mua đuổi vẫn chưa nên diễn ra.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	45.2	20,190.86	11.3	2.4	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.3	13,919.64	20.5	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.3	8,240.58	9.5	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.0	6,183.95	10.7	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.0	5,000.00	83.3	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.6	4,187.94	14.8	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	22.0	2,883.67	8.7	1.1	12.7%	5.7%
LAS	77.8	35.4	2,755.25	6.9	1.8	27.5%	15.2%
NTP	56.3	46.2	2,602.88	7.0	2.0	22.9%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	42.4	1,611.20	10.0	1.8	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.7	661.32	6.4	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.8	1,679.98	15.2	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.2	2,602.88	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	44.8	2,240.00	12.3	2.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	45.0	354.37	6.6	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	13.73%	83.0	#####	4.30	225,653	290,739	247,877
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	13.68%	54.5	15.98	4.30	2,643,036	2,119,650	1,142,564
HPG	HOSE	481.9	27,709.72	13.62%	57.5	9.98	2.63	924,375	1,033,321	932,637
PVD	HOSE	303.0	32,424.95	9.64%	107.0	13.69	2.89	779,598	565,731	424,797
HAG	HOSE	790.0	19,038.23	8.07%	24.1	16.38	1.40	2,512,999	3,286,241	2,736,753
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	7.65%	19.2	8.08	1.30	435,474	324,213	734,494
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	6.07%	27.4	16.11	1.67	564,056	640,243	438,501
DPM	HOSE	379.9	12,803.78	5.32%	33.7	10.13	1.44	1,731,818	1,767,994	1,161,001
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	3.07%	8.8	68.19	0.81	11,288,226	10,452,549	6,302,676
BVH	HOSE	680.5	29,056.13	2.45%	42.7	25.12	2.63	141,080	133,802	160,844
KBC	HOSE	389.8	5,690.50	2.33%	14.6	24.57	1.10	3,647,623	3,032,576	1,842,074
HSG	HOSE	96.3	4,179.99	2.28%	43.4	13.12	1.80	253,886	248,152	161,654
GMD	HOSE	116.1	4,018.37	1.97%	34.6	7.82	0.82	421,526	495,565	264,351
VSH	HOSE	206.2	3,052.37	1.58%	14.8	14.55	1.14	1,140,378	983,510	749,905
PPC	HOSE	318.2	8,208.39	1.47%	25.8	16.26	1.58	809,721	745,648	608,333
CSM	HOSE	67.3	3,203.10	1.45%	47.6	8.29	2.50	259,419	268,955	357,665
DRC	HOSE	83.1	4,984.43	1.34%	60.0	12.64	3.43	145,291	204,165	240,112
HVG	HOSE	132.0	4,488.00	1.24%	34.0	36.17	1.83	2,328,969	1,486,294	982,409
PVT	HOSE	255.9	5,014.81	1.16%	19.6	19.51	1.61	2,579,216	2,397,381	1,932,806
DIG	HOSE	178.7	2,323.67	1.06%	13.0	64.72	1.00	286,046	265,616	209,241
OGC	HOSE	300.0	3,480.00	0.82%	11.6	43.56	1.12	4,056,321	3,778,234	2,073,440

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	7.67%	19.2	8.08	1.30	435,474	324,213	734,494
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	7.43%	83.0	#####	4.30	225,653	290,739	247,877
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	7.31%	27.4	16.11	1.67	564,056	640,243	438,501
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	6.29%	54.5	15.98	4.30	2,643,036	2,119,650	1,142,564
DPM	HOSE	379.9	12,803.78	5.63%	33.7	10.13	1.44	1,731,818	1,767,994	1,161,001
BVH	HOSE	680.5	29,056.13	5.63%	42.7	25.12	2.63	141,080	133,802	160,844
PVS	HNX	446.7	20,190.86	5.50%	45.2	11.28	2.40	4,882,150	4,379,923	3,308,403
PVD	HOSE	303.0	32,424.95	3.79%	107.0	13.69	2.89	779,598	565,731	424,797
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	3.48%	8.8	68.19	0.81	11,288,226	10,452,549	6,302,676
SHB	HNX	886.1	8,240.58	3.36%	9.3	9.54	0.76	7,221,588	5,949,321	5,421,627
HAG	HOSE	790.0	19,038.23	3.27%	24.1	16.38	1.40	2,512,999	3,286,241	2,736,753
VCG	HNX	441.7	6,183.95	3.21%	14.0	10.73	1.10	1,357,006	1,134,142	987,763
OGC	HOSE	300.0	3,480.00	2.07%	11.6	43.56	1.12	4,056,321	3,778,234	2,073,440
DRC	HOSE	83.1	4,984.43	1.52%	60.0	12.64	3.43	145,291	204,165	240,112
GMD	HOSE	116.1	4,018.37	1.49%	34.6	7.82	0.82	421,526	495,565	264,351
PPC	HOSE	318.2	8,208.39	1.32%	25.8	16.26	1.58	809,721	745,648	608,333
PVT	HOSE	255.9	5,014.81	1.16%	19.6	19.51	1.61	2,579,216	2,397,381	1,932,806
PVX	HNX	400.0	2,560.00	0.00%	6.4	- 2.03	3.40	12,081,321	11,951,417	7,765,103

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	0.00%	54.5	15.98	4.30	2,643,036	2,119,650	1,142,564
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	0.00%	83.0	#####	4.30	225,653	290,739	247,877
DPM	HOSE	379.9	12,803.78	0.00%	33.7	10.13	1.44	1,731,818	1,767,994	1,161,001
HAG	HOSE	790.0	19,038.23	0.00%	24.1	16.38	1.40	2,512,999	3,286,241	2,736,753
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	0.00%	27.4	16.11	1.67	564,056	640,243	438,501
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	0.00%	19.2	8.08	1.30	435,474	324,213	734,494
BVH	HOSE	680.5	29,056.13	0.00%	42.7	25.12	2.63	141,080	133,802	160,844
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.32	1.02	669,792	472,341	343,747
GAS	HOSE	1,895.0	227,400.00	0.00%	120.0	19.82	6.49	263,464	349,282	309,311

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	0.88%	83.0	#####	4.30	225,653	290,739	247,877
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	0.56%	54.5	15.98	4.30	2,643,036	2,119,650	1,142,564
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	0.31%	19.2	8.08	1.30	435,474	324,213	734,494
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	0.24%	27.4	16.11	1.67	564,056	640,243	438,501
DPM	HOSE	379.9	12,803.78	0.15%	33.7	10.13	1.44	1,731,818	1,767,994	1,161,001
BVH	HOSE	680.5	29,056.13	0.08%	42.7	25.12	2.63	141,080	133,802	160,844

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,475	6.8	0.9	13.6%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,398	9.8	1.6	16.4%	11.1%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,661	24.6	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	856	7.5	1.0	12.8%	6.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,206	17.1	2.2	20.4%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,899	3.3	0.8	24.5%	5.3%
Khai khoáng	12,245	63.8	5.6	0.4%	0.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,083	16.2	1.5	11.3%	7.5%
Xây dựng	32,652	49.0	1.3	-1.3%	2.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,205	8.3	1.2	16.3%	8.3%
Công nghiệp phức hợp	800	6.6	1.6	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,408	7.1	1.0	13.5%	6.0%
Thiết bị điện	1,900	19.3	1.1	1.1%	-0.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	45	13.7	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,818	9.3	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,830	3.4	1.2	4.5%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,671	8.4	1.5	18.9%	13.7%
Dịch vụ vận tải	6,153	7.9	1.5	18.6%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,202	10.5	1.8	13.9%	6.8%
Đào tạo & Việc làm	231	9.6	0.7	8.6%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	191	8.5	0.9	11.1%	4.6%
Chất thải & Môi trường	175	2.7	0.8	35.1%	16.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,213	19.2	1.4	11.9%	6.4%
Lốp xe	8,232	10.2	3.0	27.6%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,527	7.6	1.3	15.5%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	316	14.1	2.1	16.2%	10.2%
Đồ uống & giải khát	226	6.5	1.1	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,497	12.5	2.0	17.5%	6.3%
Thực phẩm	200,304	24.5	4.8	20.4%	16.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	85	21.4	1.1	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,440	8.2	1.2	14.4%	7.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	559	44.1	1.4	3.3%	2.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,649	9.7	1.8	18.4%	7.2%
Giày dép	8	1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,103	9.4	1.7	18.1%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	725	8.1	1.1	-1.5%	3.8%

16 September 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	981	15.3	1.0	6.7%	3.9%
Dụng cụ y tế	162	3.3	1.8	38.1%	16.3%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	177	8.1	1.1	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,419	10.7	2.9	24.9%	16.4%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	268	50.4	0.9	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	684	10.5	1.1	12.8%	7.5%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,050	11.2	1.8	16.5%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,107	9.7	1.0	10.3%	7.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,676	72.8	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,416	13.7	1.4	14.8%	12.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,590	19.7	3.1	22.6%	19.5%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	619	14.8	0.8	5.5%	2.0%
Internet	355	74.9	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	19,556	12.1	2.5	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	455	15.8	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng	286	4.9	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	11,840	30.6	7.0	33.6%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	25,549	-	6.0	1.4	-16.0%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	236,403	19.3	6.3	33.1%	22.7%
Nước	1,239	6.6	1.1	16.9%	11.3%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,313	7.5	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,905	12.4	0.7	6.2%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,726	8.7	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	30,689	25.1	2.6	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,540	43.6	1.1	2.5%	0.7%
Môi giới chứng khoán	27,874	14.1	1.6	9.5%	7.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	245,320	11.3	1.3	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	165,738	17.1	2.8	20.5%	5.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	14	3.6	1.0	34.7%	11.6%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	56,111	12.6	2.7	22.6%	9.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.